

Bản án số: 1744/2026/DS-ST
Ngày: 29 – 4 – 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang
- Ông Nguyễn Đình Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1875/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 1875/TB-TA ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty T1 (Việt Nam); Địa chỉ: I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001 (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phù Cao Ngọc T, sinh năm 1988; CCCD số: 079188030556; Địa chỉ: 1 L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) do bà Nguyễn Phước Quỳnh G - người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/06/2024, Công ty T1 (VIỆT NAM) (gọi tắt là Công ty T1) ký Hợp đồng tín dụng số: 5549752 về việc cấp tín dụng cho bà Phù Cao Ngọc T với khoản vay trị giá 59.235.000 đồng (giải ngân ngày 07/06/2024), mức lãi suất: 52%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T1 đã giải ngân theo đúng quy định

trong Hợp đồng tín dụng cho bà Phù Cao Ngọc T. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Phù Cao Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 25/06/2024 đến ngày 25/05/2026.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, từ ngày 18/02/2025, bà Phù Cao Ngọc T đã không thanh toán/thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T1 đã giải ngân.

Công ty T1 đã đề nghị bà Phù Cao Ngọc T thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà Phù Cao Ngọc T vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T1.

Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng; Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với khách hàng thì bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Công ty T1.

Tính đến ngày 29/4/2026, bà Phù Cao Ngọc T đã trễ hạn không thanh toán số tiền 80.542.921 đồng bao gồm các khoản tiền như sau:

Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 44.326.922 đồng.

Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 17.096.017 đồng.

Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 17.826.073 đồng.

Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.293.909 đồng.

* Diễn giải công thức tính lãi:

- Số tiền lãi trong hạn = Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ.

- Số tiền lãi quá hạn = $150\% \times \text{Lãi suất} \times \text{Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ} \times \text{Số ngày quá hạn} : 365 \text{ ngày}$.

- Số tiền lãi chậm trả = $10\% \times \text{Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ} \times \text{Số ngày quá hạn} : 36) \text{ ngày}$.

Nay Công ty T1 yêu cầu bà Phù Cao Ngọc T phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2026 là 80.542.921 đồng, trong đó: nợ gốc 44.326.922 đồng, lãi trong hạn 17.096.017 đồng; lãi quá hạn 17.826.073 đồng, lãi chậm trả 1.293.909 đồng. Ngoài ra Công ty T1 còn yêu cầu Tòa án buộc bà Phù Cao Ngọc T phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 30/4/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hoà giải được do bị đơn vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện nguyên đơn: Xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.
- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Công ty T1 và bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T1. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T theo quy định.

Bà Nguyễn Phước Quỳnh G – người đại diện theo ủy quyền của Công ty T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà G.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi:

Xét, Hợp đồng tín dụng thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 391 và Điều 407 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét, trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng thì bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T1 khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến 29/4/2026 là 80.542.921 đồng, trong đó: nợ gốc 44.326.922 đồng, lãi trong hạn 17.096.017 đồng; lãi quá hạn 17.826.073 đồng, lãi chậm trả 1.293.909 đồng theo Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 5549752 ngày 06/6/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Công ty T1 theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng các bên đã thỏa thuận là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu do đó không có cơ sở xem xét.

[2.2] Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Công ty T1 yêu cầu bà T thanh toán số tiền nợ trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T1, do đó việc Công ty T1 yêu cầu thanh toán số tiền nợ trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.027.146 đồng.

H lại cho Công ty T1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 1.486.303 đồng theo Biên lai thu tiền số 0038635 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam).

Buộc bà Phù Cao Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2026 là 80.542.921 đồng, trong đó: nợ gốc 44.326.922 đồng, lãi trong hạn 17.096.017 đồng; lãi quá hạn 17.826.073 đồng, lãi chậm trả 1.293.909 đồng.

Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 30/4/2026 theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5549752 ngày 06/6/2024 cho đến khi bà T thi hành xong các khoản nợ.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phù Cao Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.027.146 đồng.

H lại số tiền tạm ứng án phí là 1.486.303 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm lẻ ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038635 ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty T1 (Việt Nam).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Duy

